

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 05/6/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn D**

2. Bà **Nguyễn Thị C**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh N** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** -
Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **NH TMCP CT VN**

Địa chỉ: 108 T, quận H, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T** - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Hoàng Anh Q** - Phó giám đốc NH
TMCP CT VN chi nhánh G.

Địa chỉ: 01 T, thành phố P, tỉnh G.

(Theo Văn bản ủy quyền số 515/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 01/6/2017)

Ông Q có mặt

- Bị đơn: Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Đức H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Anh Quân trình bày:

Bà Mai Thị T đã vay vốn tại NH TMCP CT VN Chi nhánh G - Phòng giao dịch Đ (V-bank) theo Hợp đồng tín dụng số 1321/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 08/7/2016 với số tiền vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10,8%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/lần), ngày trả nợ gốc là

10/7/2017; mục đích vay để chăm sóc cà phê và trồng mới 2000 trụ tiêu. Đến thời hạn trả nợ gốc, bà T không trả nên toàn bộ khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng trên đã bị quá hạn theo quy chế cho vay của Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Mai Thị T và chồng là Vũ Đức H có thể chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1321/HĐTC ngày 08/7/2016, gồm các tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn 2, xã H, huyện Đ, G diện tích đất 13.849m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 586803 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 08/12/2015 mang tên Mai Thị T và Vũ Đức H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Mai Thị T đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ khi đến hạn mặc dù V-bank đã nhiều lần thông báo, gửi giấy mời làm việc nhưng bà T vẫn không trả được nợ. Ngày 11/7/2017, toàn bộ số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12/3/2018, bà Mai Thị T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc quá hạn: 700.000.000 đồng;
- Nợ lãi tính đến ngày 05/6/2018: 109.512.601 đồng, trong đó: Lãi trong hạn tính từ ngày 12/6/2017 đến ngày 10/7/2017 với lãi suất 10,8%/năm là 6.090.000đ, đã trả trước lãi 212.399đ, còn lại là 5.877.601 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày 05/6/2018 với lãi suất 16,2%/năm là 103.635.000 đồng.

Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị T có nghĩa vụ trả ngay một lần cho V-bank số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/6/2018 là 109.512.601 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 06/6/2018, bà Mai Thị T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V-bank.

Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Mai Thị T và ông Vũ Đức H theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn chị Mai Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đức H: Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng bản sao tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; Thông báo về phiên hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng chị T và anh H đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 342, 351, 355, 471, 474, 715, 720, 721 BLDS 2005; các Điều 30, 35, 39 BLTTDS; NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa NH TMCP CT VN (Sau đây gọi tắt là V-bank) với chị Mai Thị T và anh Vũ Đức H phát sinh từ giao dịch dân sự vay tài sản được xác lập giữa các bên; Bên vay tiền không có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp về dân sự; V-bank là một chủ thể của giao dịch nên có quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện của V-bank có hình thức và nội dung đảm bảo theo quy định của pháp luật; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bị đơn chị Mai Thị T vay V-bank số tiền 700.000.000 đồng thông qua Hợp đồng tín dụng, đến thời hạn trả nợ thì bị đơn không thực hiện như thỏa thuận đã ký kết nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] *Về nội dung vụ án:* Hợp đồng tín dụng số 1321/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 08/7/2016 giữa V-bank chi nhánh G - Phòng giao dịch Đ với chị Mai Thị T, do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có nội dung thể hiện chị Mai Thị T có vay của V-bank số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10,8%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/lần), ngày trả nợ gốc là 10/7/2017; mục đích vay để chăm sóc cà phê và trồng mới 2000 trụ tiêu. Như vậy giao dịch vay tiền giữa chị T, anh H với V-bank là loại hợp đồng dân sự vay tiền có kỳ hạn, có lãi suất. Về nội dung và hình thức của giao dịch vay tài sản này không trái với quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực nên được pháp luật bảo vệ; mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là hợp với quy định của pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, chị Mai Thị T và chồng là anh Vũ Đức H có thể chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, gồm các tài sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 2, xã H, huyện Đ, G diện tích đất 13.849m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 586803 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 08/12/2015 mang tên Mai Thị T và Vũ Đức H. Việc thế chấp này đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền, chị Mai Thị T đã vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và lãi khi đến hạn mặc dù V-bank đã nhiều lần thông báo, gửi giấy mời làm việc nhưng bà The vẫn không trả được nợ. Ngày 11/7/2017, toàn bộ số tiền vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày thu hồi được nợ cho V-bank là có căn cứ. Trường hợp, bị đơn không trả được nợ thì V-bank có quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Như vậy, ngoài khoản tiền gốc 700.000.000 đồng phải trả thì khoản tiền lãi phải trả được tính cụ thể như sau: Lãi trong hạn còn phải thanh toán tính từ ngày 12/6/2017 đến ngày 10/7/2017 với lãi suất 10,8%/năm là 6.090.000đ, đã trả trước 212.399đ, còn lại là 5.877.601 đồng; tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày 05/6/2018 với lãi suất 16,2%/năm là 103.635.000 đồng.

Đối với bị đơn chị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H, đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tham gia hòa giải cũng như phiên tòa. Điều này thể hiện chị T và anh H tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 342, 351, 355, 471, 474, 715, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH TMCP CT VN.

Buộc chị Mai Thị T phải thanh toán cho NH TMCP CT VN số tiền vay gốc 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử ngày 05/6/2018 là 109.512.601 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 5.877.601 đồng và tiền lãi quá hạn là 103.635.000 đồng); tổng cộng là 809.512.601đ (Tám trăm lẻ chín triệu năm trăm mười hai nghìn sáu trăm lẻ một đồng).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi, chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp chị Mai Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho ngân hàng NH TMCP CT VN thì NH TMCP CT VN có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế

chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể gồm những tài sản thế chấp sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thôn 2, xã H, huyện Đ, G diện tích đất 13.849m², thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 586803 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 08/12/2015 mang tên Mai Thị T và Vũ Đức H.

2. Về án phí:

- Buộc chị Mai Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước là: 36.000.000đ + 3% x 9.512.601đ = 36.285.378đ (*Ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng*).

- Hoàn trả lại cho NH TMCP CT VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.671.500đ (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai số 0002463 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H